

Bản án số: 108/2017/HS-PT  
Ngày 29-11-2017

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Đức Dương.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Thuyên và ông Nguyễn Tài Sử

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang là Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Tố Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 113/2017/TLHS-PT ngày 07 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo Ngô Thị T, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 47/2017/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông.

*Bị cáo có kháng cáo:* **Ngô Thị T**, sinh ngày 20 tháng 6 năm 1960 tại tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: thôn 15, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 7/10; con ông Ngô Minh Q và bà Nguyễn Thị T; có chồng là Phạm Văn L và có 04 con; tại ngoại - Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10-10-2011, Ngô Thị T được bầu làm tổ trưởng tổ vay vốn của thôn 15, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Ngày 12-10-2011, T và Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C, tỉnh Đắk Nông (*Viết tắt là Ngân hàng*) ký hợp đồng ủy nhiệm “*một số nội dung về cho vay hộ nghèo và đối tượng chính sách*”; ngày 23-8-2013, hai bên tiếp tục ký hợp đồng ủy nhiệm “*về việc thu lãi, thu tiền gửi và thực hiện một số nội dung công việc khác trong quy trình cho vay của Ngân hàng Chính sách Xã hội*”. Theo đó, T được Ngân hàng ủy nhiệm thu tiền lãi, tiền gửi của các thành viên trong tổ theo quy định nghiệp vụ của Ngân hàng và nộp đầy đủ, kịp thời về Ngân hàng theo định kỳ hàng tháng, không được thu tiền gốc và các khoản phí khác. Tuy nhiên, trong thời gian làm Tổ trưởng (*từ tháng 10/2011 đến tháng 6/2014*), T đã gặp trực tiếp hoặc gọi điện thoại cho một số tổ viên thông báo nộp tiền gốc cho T

(mặc dù chưa đến hạn) để T nộp cho Ngân hàng làm thủ tục đáo hạn, sau đó sẽ xem xét cho vay tiếp. T đã thu tiền gốc của 07 tổ viên (khi thu tiền gốc T dùng biên lai thu tiền lãi, tiền gửi tiết kiệm do Ngân hàng phát hành và ghi vào mặt sau, có chữ ký xác nhận của T) cụ thể: thu của anh Hoàng A T 15.000.000 đồng, anh Hoàng A N 15.000.000 đồng; anh Lý A G 15.000.000 đồng, anh Lý Văn S 20.000.000 đồng, anh Phùng Văn Đ 3.900.000 đồng, chị Nguyễn Thị H 2.800.000 đồng và anh Vi Văn L 3.000.000 đồng, tổng số tiền T đã thu là 74.700.000 đồng. Sau khi thu tiền, T sử dụng để trồng tiêu, đào ao mà không nộp cho Ngân hàng. Khi đến hạn trả nợ gốc, Ngân hàng yêu cầu 07 tổ viên nêu trên thanh toán tiền gốc cho Ngân hàng thì các tổ viên mới phát hiện hành vi của T nên trình báo cơ quan Công an.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 47/2017/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Ngô Thị T phạm tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng các điểm c, d khoản 2 Điều 280; các điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Ngô Thị T 06 (Sáu) năm tù.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 06 tháng 10 năm 2017, bị cáo Ngô Thị T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xử phạt bị cáo về tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” là đúng, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông sau khi phân tích các tình tiết của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; Điều 249 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; áp dụng thêm điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt, xử phạt bị cáo Ngô Thị T 05 (Năm) năm tù.

Bị cáo không bào chữa, tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong thời gian làm tổ trưởng tổ vay vốn thôn 15, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông từ tháng 10 năm 2011 đến tháng 6 năm 2014, bị cáo được Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện C, tỉnh Đắk Nông ủy nhiệm thu tiền lãi của các tổ viên và nộp lại cho Ngân hàng, không được ủy nhiệm thu tiền gốc và các khoản phí khác. Tuy nhiên, bị cáo đã yêu cầu một số tổ viên nộp tiền gốc cho bị cáo để bị cáo nộp lại cho Ngân hàng mặc dù các khoản vay này chưa đến hạn, sau đó bị cáo không nộp lại cho Ngân hàng mà chiếm đoạt của 07 tổ viên tổng số tiền 74.700.000 đồng để sử dụng vào mục đích cá nhân. Do vậy, bản án hình sự sơ

thẩm số: 47/2017/HS-ST ngày 28- 9- 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông đã kết án bị cáo T về tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung “*Phạm tội nhiều lần*” và “*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 280 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại thời điểm xét xử sơ thẩm chính sách hình sự của Nhà nước ta có sự thay đổi theo hướng có lợi cho bị cáo, cụ thể:

Điều 355 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng... thì bị phạt tù từ 01 năm đến 06 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 năm đến 13 năm:

c) Phạm tội 02 lần trở lên;

d) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.”

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sơ thẩm không phân tích, so sánh và áp dụng các quy định có lợi cho bị cáo là không đúng hướng dẫn tại Công văn số: 327/TANDTC-PC ngày 07-11-2016 của Tòa án nhân dân tối cao. Mặt khác, bị cáo được hưởng trợ cấp một lần do bị địch bắt tù đầy và bố đẻ bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì, theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 2 của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2005 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2012) thì bị cáo và bố đẻ bị cáo là “*Người có công với cách mạng*”, Hội đồng xét xử sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo là thiếu sót, bất lợi cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để áp dụng các quy định có lợi cho bị cáo. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo và không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Ngô Thị T, sửa bản án

hình sự sơ thẩm số: 47/2017/HS-ST ngày 28-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông về áp dụng pháp luật và hình phạt.

1. Áp dụng các điểm c, đ khoản 2 Điều 280; các điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 2 Điều 355; điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, phạt bị cáo Ngô Thị T 04 (*Bốn*) năm tù về tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNVCS – CA tỉnh Đắk Nông;
- CA huyện C;
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: THCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lương Đức Dương**

